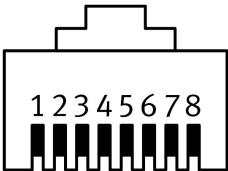


**Cáp kết nối**  
**NEBC-R3G8M22-P-5-N-S-R3G8**  
Số bộ phận: 8155228

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                | Giá trị                                                                              |
|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Tuân theo tiêu chuẩn                    | IEC 60603-7-3                                                                        |
| Giấy phép                               | Dấu RCM<br>c UL us - Listed (OL)                                                     |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                   | UL E239998                                                                           |
| Tên cáp                                 | không giá biển báo                                                                   |
| trọng lượng sản phẩm                    | 440 g                                                                                |
| Cổng nối điện 1, chức năng              | Phía thiết bị hiện trường                                                            |
| Cổng nối điện 1, thiết kế               | góc                                                                                  |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối           | Giắc cắm                                                                             |
| Cổng nối điện 1, đầu ra cáp             | thẳng                                                                                |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối      | RJ45                                                                                 |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây        | 8                                                                                    |
| Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng | 8                                                                                    |
| Cổng nối điện 1, kiểu gắn               | Khóa vít                                                                             |
| Cổng nối điện 2, chức năng              | Phía điều khiển                                                                      |
| Cổng nối điện 2, thiết kế               | góc                                                                                  |
| Cổng nối điện 2, kiểu kết nối           | Giắc cắm                                                                             |
| Cổng nối điện 2, đầu ra cáp             | thẳng                                                                                |
| Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối      | RJ45                                                                                 |
| Cổng nối điện 2, số cực/dây             | 8                                                                                    |
| Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng | 8                                                                                    |
| Cổng nối điện 2, kiểu gắn               | Khóa chốt                                                                            |
| Dải điện áp hoạt động DC                | 0 V...60 V                                                                           |
| Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C         | 1 A                                                                                  |
| Lớp bảo vệ                              | có                                                                                   |
| Đặc tính truyền tải                     | Tương ứng với danh mục 5, EN 50173, loại D<br>Theo danh mục 5, ISO/IEC 11801, loại D |
| Chiều dài cáp                           | 5 m                                                                                  |
| Đặc điểm dây dẫn                        | Đối với các ứng dụng tĩnh                                                            |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định    | 30 mm                                                                                |
| Đường kính cáp                          | 5.5 mm                                                                               |
| Dung sai đường kính cáp                 | ± 0,2 mm                                                                             |

| Đặc tính                              | Giá trị                                                           |
|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Mức độ bảo vệ                         | IP20<br>IP66<br>IP67                                              |
| Lưu ý về mức độ bảo vệ                | ở trạng thái lắp                                                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -20 °C...55 °C                                                    |
| Nhiệt độ bảo quản                     | -20 °C...70 °C                                                    |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)   | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU               |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS             |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364 Vùng III                                                |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                     |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh<br>(trong điều kiện đã cài đặt) |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                   | PVC                                                               |
| Màu vỏ cáp                            | màu đen                                                           |
| Vật liệu vỏ                           | PC                                                                |
| nhà màu                               | trong suốt                                                        |
| Vật liệu khóa vít                     | thép không gỉ hợp kim cao                                         |
| Vật liệu của phốt                     | TPE-V                                                             |
| Vật liệu các tiếp điểm phích cắm      | Đồng thau, mạ niken và mạ vàng                                    |
| Vật liệu vỏ cách điện                 | PVC                                                               |